

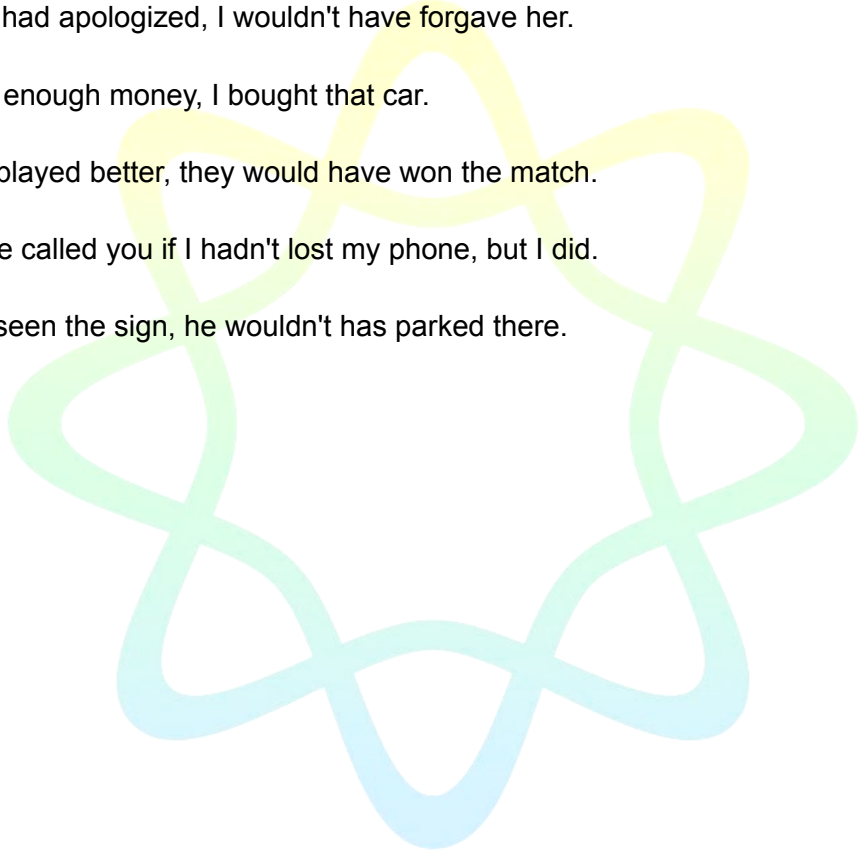
# Bài tập câu điều kiện loại 3

Câu điều kiện loại 3 (Third Conditional) được dùng để diễn tả những sự việc không có thật trong quá khứ và kết quả giả định của hành động đó cũng không thể xảy ra. Cùng khám phá kho **bài tập câu điều kiện loại 3** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

Bài tập 1: Tìm lỗi sai trong các câu điều kiện loại 3.....	2
Bài tập 2: Chia dạng đúng của động từ với câu điều kiện loại 3.....	4
Bài tập 3: Chia động từ với câu điều kiện loại 3 nâng cao.....	6
Bài tập 4: Viết lại câu sau sử dụng đảo ngữ câu điều kiện loại 3.....	8
Bài tập 5: Viết lại câu điều kiện hỗn hợp loại 3.....	10
Bài tập 6: Bài tập câu điều kiện loại 3 trắc nghiệm.....	12
Bài tập 7: Hoàn thành câu với gợi ý cho sẵn.....	14
Bài tập 8 Viết lại câu sử dụng câu điều kiện loại 3.....	16

## Bài tập 1: Tìm lỗi sai trong các câu điều kiện loại 3

**Đề bài:** Tìm và sửa lỗi sai trong các câu sau:

1. If I had knew you were coming, I would have baked a cake.
  2. If she had studied harder, she will have passed the exam.
  3. If they hasn't missed the bus, they wouldn't have been late.
  4. We would have visited you if we have known your address.
  5. If he had been careful, he wouldn't break the vase yesterday.
  6. Unless she had apologized, I wouldn't have forgave her.
  7. If I had had enough money, I bought that car.
  8. If the team played better, they would have won the match.
  9. I would have called you if I hadn't lost my phone, but I did.
  10. If Tom had seen the sign, he wouldn't has parked there.
- 

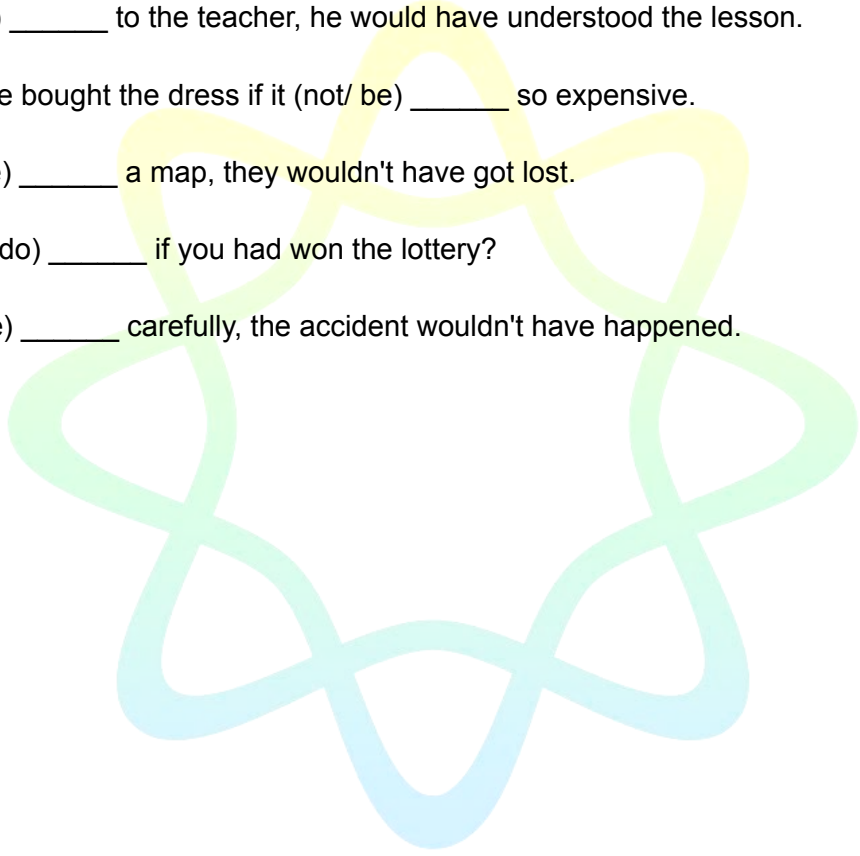
## Đáp án bài tập 1

Câu	Đáp án sửa	Giải thích
1	had knew → had known	Mệnh đề If dùng thì quá khứ hoàn thành (had + V3/ed). Knew là V2, Known là V3.
2	will have passed → would have passed	Mệnh đề chính của câu điều kiện loại 3 dùng cấu trúc would have + V3/ed.
3	hasn't missed → hadn't missed	Thì quá khứ hoàn thành phải dùng trợ động từ Had, không dùng Has.
4	have known → had known	Mệnh đề If phải lùi về quá khứ hoàn thành (Had + V3), không dùng hiện tại hoàn thành.
5	wouldn't break → wouldn't have broken	Mệnh đề chính diễn tả sự việc trong quá khứ nên phải dùng would have + V3/ed.
6	forgave → forgiven	Sau have phải là động từ ở dạng phân từ 2 (V3/ed). Forgave là V2.
7	bought → would have bought	Thiếu trợ động từ khuyết thiếu Would have ở mệnh đề chính.
8	played → had played	Mệnh đề If thiếu trợ động từ Had của thì quá khứ hoàn thành.
9	but I did → Bỏ cụm này	Câu điều kiện loại 3 đã mang nghĩa giả định ngược với quá khứ, không cần thêm mệnh đề giải thích gây thừa và sai ngữ pháp câu phức.
10	wouldn't has → wouldn't have	Sau động từ khuyết thiếu would, trợ động từ luôn ở dạng nguyên mẫu là Have.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 1

## Bài tập 2: Chia dạng đúng của động từ với câu điều kiện loại 3

**Đề bài:** Chia động từ trong ngoặc theo đúng cấu trúc câu điều kiện loại 3.

1. If you (ask) \_\_\_\_\_ me, I would have helped you.
  2. If I (not/ be) \_\_\_\_\_ sick, I would have gone to the party.
  3. She (get) \_\_\_\_\_ the job if she had prepared better for the interview.
  4. If the weather (be) \_\_\_\_\_ nice, we would have gone for a picnic.
  5. We (not/ miss) \_\_\_\_\_ the flight if we had left earlier.
  6. If he (listen) \_\_\_\_\_ to the teacher, he would have understood the lesson.
  7. I would have bought the dress if it (not/ be) \_\_\_\_\_ so expensive.
  8. If they (take) \_\_\_\_\_ a map, they wouldn't have got lost.
  9. What (you/ do) \_\_\_\_\_ if you had won the lottery?
  10. If Lan (drive) \_\_\_\_\_ carefully, the accident wouldn't have happened.
- 

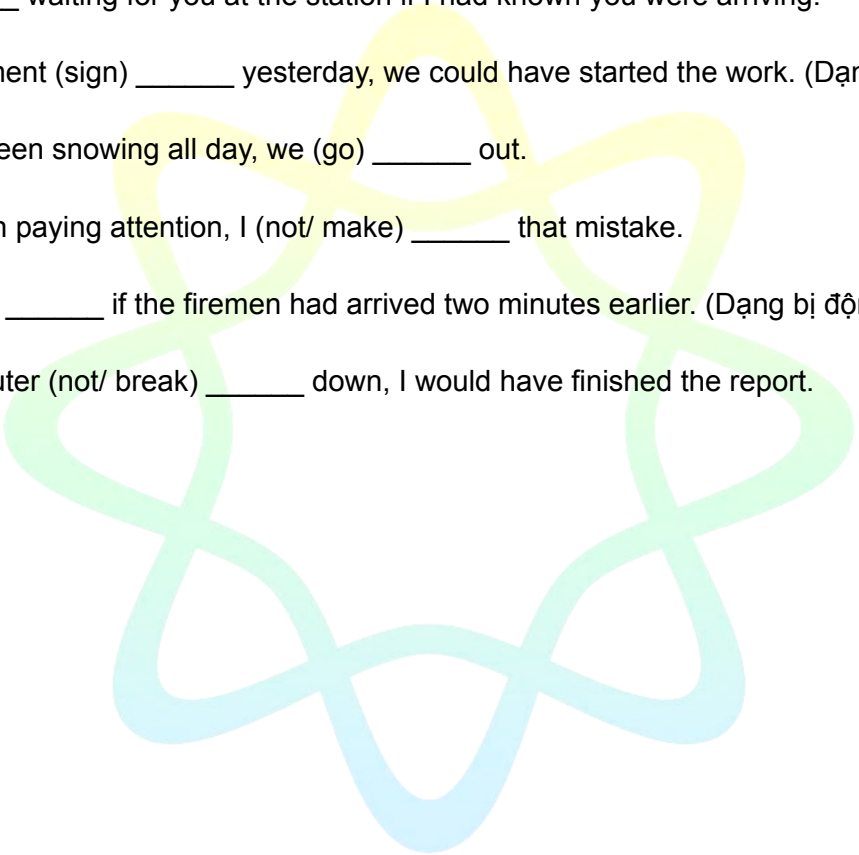
## Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	had asked	Mệnh đề If: Past Perfect (had + V3/ed).
2	hadn't been	Mệnh đề If: Past Perfect (had + not + V3/ed).
3	would have got / would have gotten	Mệnh đề chính: would have + V3/ed. Gotten phổ biến trong Anh-Mỹ.
4	had been	Mệnh đề If: Past Perfect (had + V3/ed).
5	wouldn't have missed	Mệnh đề chính: would + not + have + V3/ed.
6	had listened	Mệnh đề If: Past Perfect (had + V3/ed).
7	hadn't been	Mệnh đề If: Past Perfect (had + not + V3/ed).
8	had taken	Mệnh đề If: Past Perfect (had + V3/ed).
9	would you have done	Câu hỏi ở mệnh đề chính: Wh-word + would + S + have + V3/ed?
10	had driven	Mệnh đề If: Past Perfect (had + V3/ed).

*Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 2*

## Bài tập 3: Chia động từ với câu điều kiện loại 3 nâng cao

**Đề bài:** Chia động từ trong ngoặc, lưu ý các dạng tiếp diễn và bị động.

1. If the ambulance (arrive) \_\_\_\_\_ sooner, the victim might have been saved.
  2. If I (not/ wait) \_\_\_\_\_ for the bus then, I wouldn't have met him. (Nhấn mạnh quá trình)
  3. The project (complete) \_\_\_\_\_ on time if the manager had allocated resources efficiently. (Dạng bị động)
  4. If she (wear) \_\_\_\_\_ her seatbelt, she wouldn't have been injured. (Nhấn mạnh hành động đeo)
  5. I (be) \_\_\_\_\_ waiting for you at the station if I had known you were arriving.
  6. If the document (sign) \_\_\_\_\_ yesterday, we could have started the work. (Dạng bị động)
  7. If it hadn't been snowing all day, we (go) \_\_\_\_\_ out.
  8. If I had been paying attention, I (not/ make) \_\_\_\_\_ that mistake.
  9. He (rescue) \_\_\_\_\_ if the firemen had arrived two minutes earlier. (Dạng bị động)
  10. If the computer (not/ break) \_\_\_\_\_ down, I would have finished the report.
- 

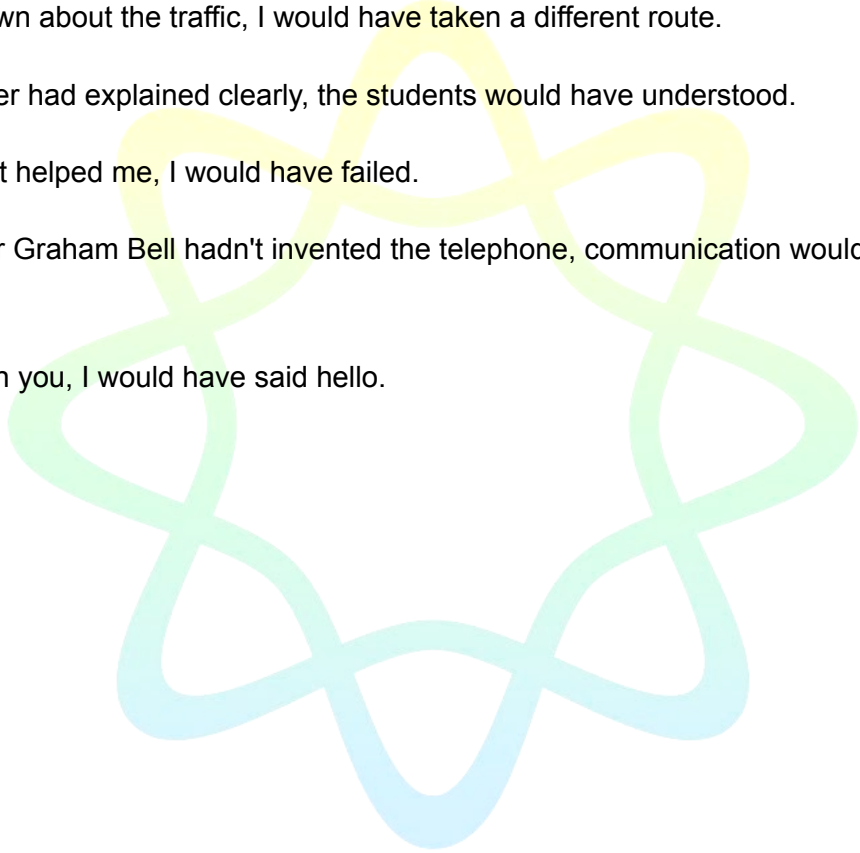
### Đáp án bài tập 3

Câu	Đáp án	Giải thích
1	had arrived	Mệnh đề If cơ bản: Past Perfect.
2	hadn't been waiting	Biến thể mệnh đề If: Past Perfect Continuous (had been V-ing) để nhấn mạnh quá trình chờ đợi.
3	would have been completed	Mệnh đề chính dạng bị động: would have been + V3/ed.
4	had been wearing	Biến thể mệnh đề If: Nhấn mạnh hành động đeo dây an toàn đang diễn ra trong quá khứ.
5	would have been	Mệnh đề chính nhấn mạnh hành động tiếp diễn tại thời điểm giả định: would have been + V-ing.
6	had been signed	Mệnh đề If dạng bị động: had been + V3/ed.
7	would have gone	Mệnh đề chính cơ bản.
8	wouldn't have made	Mệnh đề chính cơ bản, kết hợp với mệnh đề If đang dùng thì hoàn thành tiếp diễn.
9	would have been rescued	Mệnh đề chính dạng bị động: would have been + V3/ed.
10	hadn't broken	Mệnh đề If cơ bản.

*Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 3*

## Bài tập 4: Viết lại câu sau sử dụng đảo ngữ câu điều kiện loại 3

**Đề bài: Viết lại các câu sau sử dụng cấu trúc đảo ngữ (Inversion).**

1. If he had studied harder, he would have passed the exam.
  2. If you had told me earlier, I could have arranged my schedule.
  3. If the weather had been better, we would have gone camping.
  4. If she hadn't been sick, she would have attended the meeting.
  5. If they had arrived on time, they wouldn't have missed the opening.
  6. If I had known about the traffic, I would have taken a different route.
  7. If the teacher had explained clearly, the students would have understood.
  8. If you hadn't helped me, I would have failed.
  9. If Alexander Graham Bell hadn't invented the telephone, communication would have been different.
  10. If I had seen you, I would have said hello.
- 

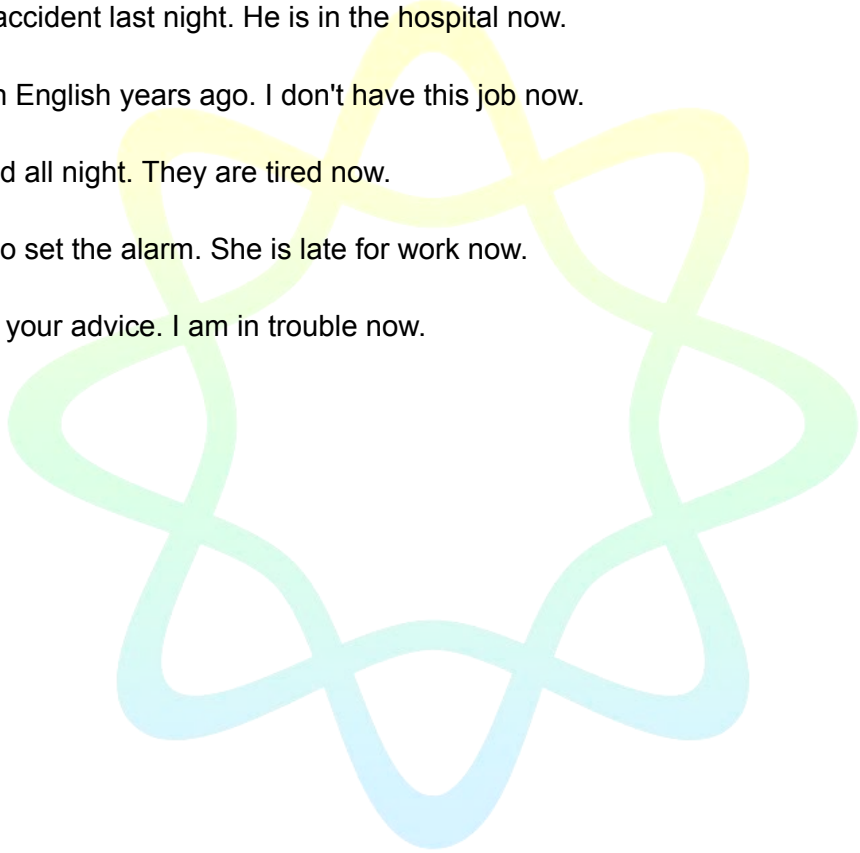
## Đáp án bài tập 4

Câu	Đáp án	Giải thích
1	Had he studied harder, he would have passed the exam.	Đảo Had lên trước chủ ngữ He, bỏ If.
2	Had you told me earlier, I could have arranged my schedule.	Đảo Had lên trước chủ ngữ You, bỏ If.
3	Had the weather been better, we would have gone camping.	Đảo Had lên trước chủ ngữ The weather, bỏ If.
4	Had she not been sick, she would have attended the meeting.	Với câu phủ định, Not đặt sau chủ ngữ: Had + S + not + V3/ed.
5	Had they arrived on time, they wouldn't have missed the opening.	Đảo Had lên trước chủ ngữ They, bỏ If.
6	Had I known about the traffic, I would have taken a different route.	Đảo Had lên trước chủ ngữ I, bỏ If.
7	Had the teacher explained clearly, the students would have understood.	Đảo Had lên trước chủ ngữ The teacher, bỏ If.
8	Had you not helped me, I would have failed.	Đảo ngữ phủ định: Had + You + not...
9	Had Alexander Graham Bell not invented the telephone, communication would have been different.	Đảo ngữ phủ định với chủ ngữ tên riêng.
10	Had I seen you, I would have said hello.	Đảo Had lên trước chủ ngữ I, bỏ If.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 4

## Bài tập 5: Viết lại câu điều kiện hỗn hợp loại 3

**Đề bài: Kết hợp hai câu đơn thành một câu điều kiện hỗn hợp (Mixed Conditional Type 3-2).**

1. He didn't study hard at school. He isn't a doctor now.
  2. I missed breakfast. I am hungry now.
  3. She spent all her money yesterday. She is broke today.
  4. We didn't buy the map. We are lost now.
  5. You didn't book the tickets. We aren't at the concert now.
  6. He had an accident last night. He is in the hospital now.
  7. I didn't learn English years ago. I don't have this job now.
  8. They worked all night. They are tired now.
  9. She forgot to set the alarm. She is late for work now.
  10. I didn't take your advice. I am in trouble now.
- 

## Đáp án bài tập 5

Câu	Đáp án	Giải thích
1	If he had studied hard at school, he would be a doctor now.	Mệnh đề If (trái quá khứ): Past Perfect. Mệnh đề chính (trái hiện tại): would + V-inf.
2	If I hadn't missed breakfast, I wouldn't be hungry now.	Giả định ngược lại quá khứ → kết quả hiện tại khác đi.
3	If she hadn't spent all her money yesterday, she wouldn't be broke today.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
4	If we had bought the map, we wouldn't be lost now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
5	If you had booked the tickets, we would be at the concert now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
6	If he hadn't had an accident last night, he wouldn't be in the hospital now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
7	If I had learned English years ago, I would have this job now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
8	If they hadn't worked all night, they wouldn't be tired now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
9	If she hadn't forgotten to set the alarm, she wouldn't be late for work now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.
10	If I had taken your advice, I wouldn't be in trouble now.	If: Past Perfect. Main: would + V-inf.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 5

## Bài tập 6: Bài tập câu điều kiện loại 3 trắc nghiệm

Đề bài: Chọn đáp án đúng nhất A, B, C hoặc D.

1. If I \_\_\_\_\_ you were in trouble, I would have helped you.  
A. know                      B. knew                      C. had known                      D. have known
2. The plant \_\_\_\_\_ if you had watered it.  
A. wouldn't die                      B. wouldn't have died                      C. won't die                      D. didn't die
3. \_\_\_\_\_ I known the answer, I would have told you.  
A. If                      B. Had                      C. Have                      D. Did
4. If she \_\_\_\_\_ to the station earlier, she would have caught the train.  
A. gets                      B. got                      C. has got                      D. had got
5. We \_\_\_\_\_ the game if the referee hadn't been biased.  
A. would win                      B. would have won                      C. will win                      D. won
6. If you hadn't been late, we \_\_\_\_\_ the start of the movie.  
A. wouldn't miss                      B. won't miss                      C. wouldn't have missed                      D. haven't missed
7. What \_\_\_\_\_ if you had been in my position?  
A. would you do                      B. will you do                      C. would you have done                      D. did you do
8. If he had applied for the job, he \_\_\_\_\_ it.  
A. could get                      B. could have got                      C. can get                      D. got
9. I would have visited Paris if I \_\_\_\_\_ enough time.  
A. had had                      B. have had                      C. had                      D. would have
10. \_\_\_\_\_ he studied harder, he would have passed.  
A. If                      B. Has                      C. Had                      D. Did

## Đáp án bài tập 6

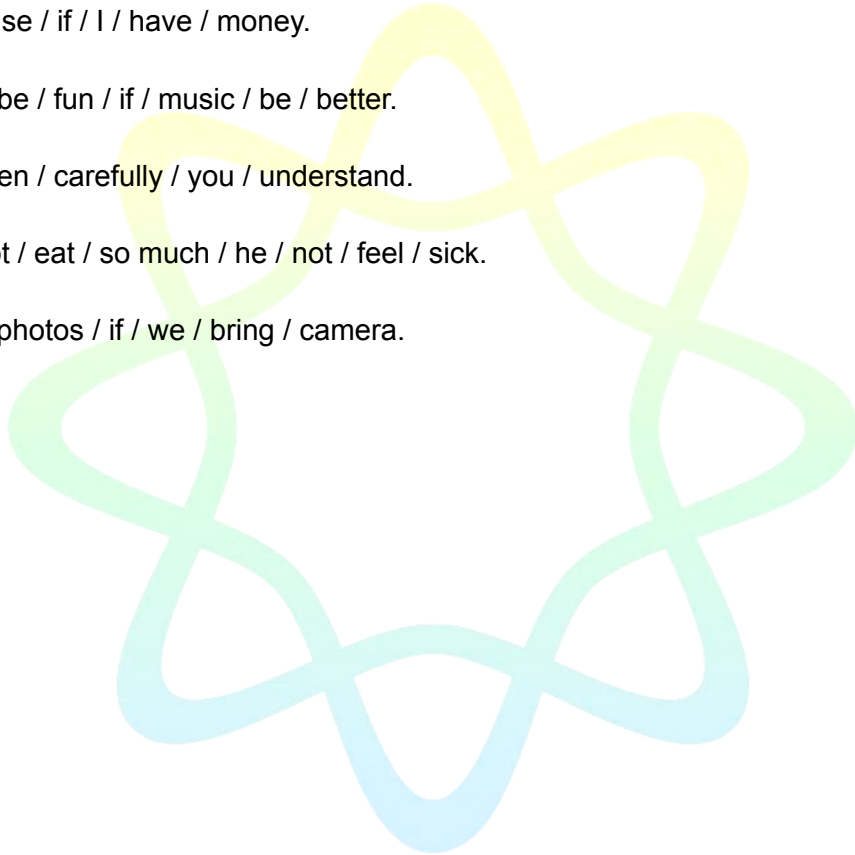
Câu	Đáp án	Giải thích
1	C	Mệnh đề If loại 3 dùng Past Perfect (had known).
2	B	Mệnh đề chính loại 3 dùng would have + V3/ed.
3	B	Cấu trúc đảo ngữ: Had + S + V3/ed.
4	D	Mệnh đề If loại 3 dùng Past Perfect (had got).
5	B	Mệnh đề chính loại 3 dùng would have + V3/ed.
6	C	Mệnh đề chính loại 3 diễn tả kết quả không thực trong quá khứ.
7	C	Câu hỏi ở mệnh đề chính: would + S + have + V3/ed.
8	B	Mệnh đề chính loại 3 dùng could have + V3/ed.
9	A	Mệnh đề If loại 3 dùng Past Perfect (had had). Had đầu tiên là trợ động từ, had thứ hai là V3 của have.
10	C	Cấu trúc đảo ngữ câu điều kiện loại 3. Các đáp án khác như If (thiếu had), Has (sai thì), Did (sai cấu trúc) đều không phù hợp.

*Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 6*

## Bài tập 7: Hoàn thành câu với gợi ý cho sẵn

**Đề bài:** Viết câu hoàn chỉnh dựa trên từ gợi ý.

1. If / I / know / it / be / secret / I / not / tell / anyone.
2. She / pass / exam / if / she / study / harder.
3. If / we / bring / umbrella / we / not / get / wet.
4. They / go / beach / if / it / not / rain.
5. If / he / wake up / early / he / not / miss / bus.
6. I / buy / house / if / I / have / money.
7. The party / be / fun / if / music / be / better.
8. If / you / listen / carefully / you / understand.
9. If / Tom / not / eat / so much / he / not / feel / sick.
10. We / take / photos / if / we / bring / camera.



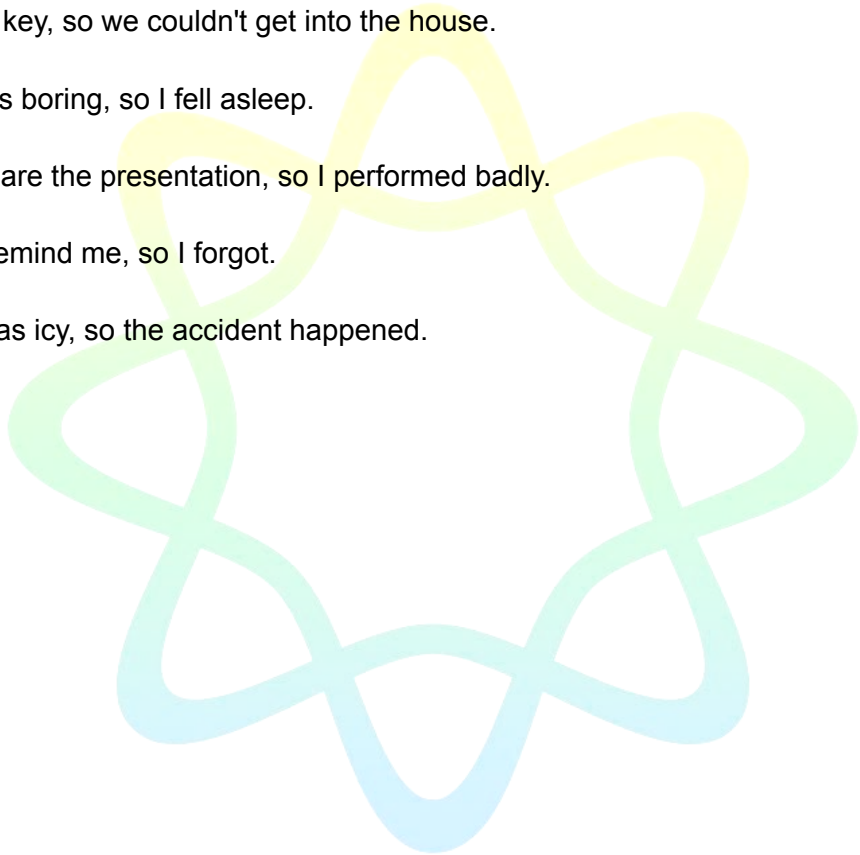
## Đáp án bài tập 7

Câu	Đáp án	Giải thích
1	If I had known it was a secret, I wouldn't have told anyone.	If + S + had + V3, S + would + not + have + V3.
2	She would have passed the exam if she had studied harder.	Mệnh đề chính đứng trước: S + would have + V3 + if + S + had + V3.
3	If we had brought an umbrella, we wouldn't have got wet.	Lưu ý thêm mạo từ "an" trước umbrella.
4	They would have gone to the beach if it hadn't rained.	Lưu ý giới từ "to" sau go và dạng phủ định của rain.
5	If he had woken up early, he wouldn't have missed the bus.	Wake → Woken.
6	I would have bought the house if I had had the money.	Have (tiền) → Had had.
7	The party would have been fun if the music had been better.	Be → Been.
8	If you had listened carefully, you would have understood.	Listen → Listened.
9	If Tom hadn't eaten so much, he wouldn't have felt sick.	Eat → Eaten, Feel → Felt.
10	We would have taken photos if we had brought the camera.	Take → Taken, Bring → Brought.

*Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 7*

## Bài tập 8 Viết lại câu sử dụng câu điều kiện loại 3

**Đề bài:** Viết lại các tình huống sau thành câu điều kiện loại 3.

1. It rained heavily, so we cancelled the trip.
  2. I didn't see the signal, so I didn't stop.
  3. She didn't have your number, so she didn't call you.
  4. He was tired because he worked overtime.
  5. They didn't invite him, so he didn't come.
  6. We lost the key, so we couldn't get into the house.
  7. The film was boring, so I fell asleep.
  8. I didn't prepare the presentation, so I performed badly.
  9. You didn't remind me, so I forgot.
  10. The road was icy, so the accident happened.
- 

## Đáp án bài tập 8

Câu	Đáp án	Giải thích
1	If it hadn't rained heavily, we wouldn't have cancelled the trip.	Sự thật: Mưa (Khẳng định) → Giả định: Không mưa (Phủ định).
2	If I had seen the signal, I would have stopped.	Sự thật: Không thấy (Phủ định) → Giả định: Thấy (Khẳng định).
3	If she had had your number, she would have called you.	Sự thật: Không có → Giả định: Có.
4	If he hadn't worked overtime, he wouldn't have been tired.	Chú ý mệnh đề nguyên nhân (because) chuyển thành mệnh đề If.
5	If they had invited him, he would have come.	Sự thật: Không mời → Giả định: Mời.
6	If we hadn't lost the key, we could have got into the house.	Could not → Could have.
7	If the film hadn't been boring, I wouldn't have fallen asleep.	Sự thật: Buồn chán → Giả định: Không buồn chán.
8	If I had prepared the presentation, I wouldn't have performed badly.	Sự thật: Không chuẩn bị → Giả định: Chuẩn bị.
9	If you had reminded me, I wouldn't have forgotten.	Sự thật: Không nhắc → Giả định: Nhắc.
10	If the road hadn't been icy, the accident wouldn't have happened.	Sự thật: Đường băng giá → Giả định: Không băng giá.

Bảng tra cứu nhanh đáp án bài tập 8